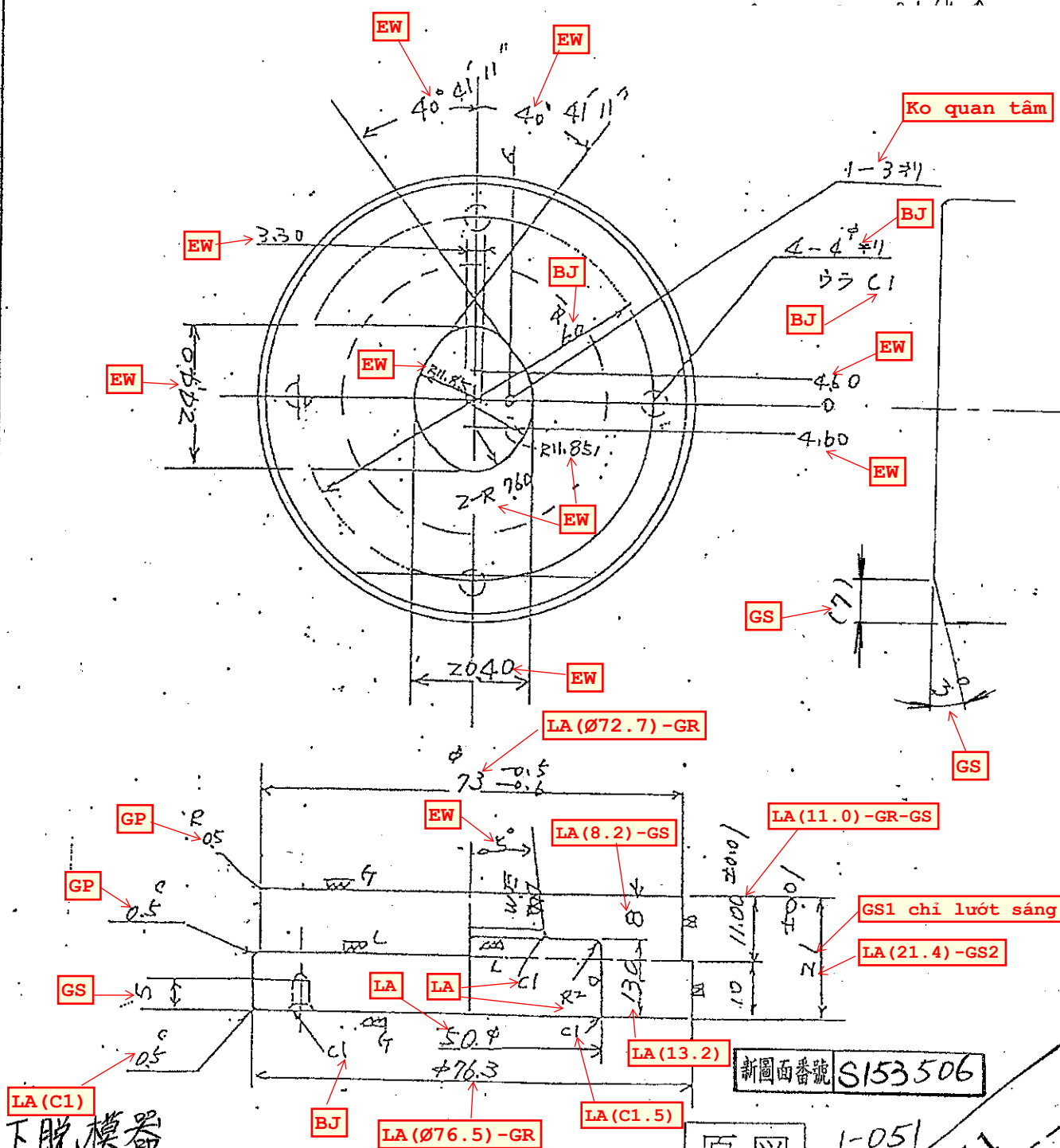


04117



下脱模器

原义

1-051

圖 面	
番 号	T 庫 04-008M-00-1-051-CA

0.0000	$\pm 0.002$	$0.000^{+0}$	$+0$ $-0.005$
0.000	$\pm 0.005$	$0.000^{-0}$	$+0.005$ $-0$
0.00	$\pm 0.01$	$0.00^{+0}$	$+0$ $-0.01$
0.0	$\pm 0.1$	$0.00^{-0}$	$+0.01$ $-0$
0.	$\pm 0.2$	$0.0^{+0}$	$+0$ $-0.1$
		$0.0^{-0}$	$+0.1$ $-0$

公差表示されている場合は、それを優先する

SKS3		1	
材	質	数/台	担当
熱処理	焼入 焼戻 $H_{RC}$	53 1550	724リリ 24-
表面処理			
尺 度	/ ( / )		

$\phi 80 \times 35$

新圖面番號	S153506
-------	---------

1-051  
931023-51  
圖書  
805H 大5-2  
型

414 302 0102

SNO: **S153506**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SKS3</b> <b>Ø80*26</b>	LA:90 BJ:30 HT:40 GS:20 GR:40 GS2:60 EW:120 AF:20 KT